

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-6-2020
V/v “Ly hôn, t/c về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Xuân Sơn
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Mỹ
2. Ông Nguyễn Ngọc Anh

*** Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Lúc 09 giờ 45 phút, ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thái B, sinh năm 1984

Nơi cư trú: số nhà 275/43/3, đường Quang Trung, Phường M, quận G, Thành phố H.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Tổ 2B, khu phố S, thị trấn V, huyện C, tỉnh Đ.

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ và phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Thái B trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Q tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 233, quyền số 01/2011 ngày 12/4/2012. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng về kinh tế, chị Q luôn muốn đòi hỏi tiền từ anh nhưng khi anh gặp khó khăn về tài chính thì không giúp đỡ anh, không quan tâm, chia sẻ với anh. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân này anh chị chỉ nói chuyện với nhau về con cái, không quan tâm tới cuộc sống của nhau. Gia đình hai bên có khuyên bảo để anh chị hàn gắn nhưng không được. Nay xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị Q.

Về con chung: Anh và chị Q có 02 con chung tên là Nguyễn Thái Bảo N, sinh ngày 06/02/2013 và Nguyễn Thái B, sinh ngày 04/12/2016. Cháu N sống cùng ông bà nội từ nhỏ tới tháng 01/2020 thì chị Q đón về chơi và sinh sống cùng chị Q. Đến cuối tháng 3/2020 thì anh đón cháu N về để đi học cho đến nay. Ly hôn, anh yêu cầu giao cháu N cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu B cho chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh đang làm nhân viên kinh doanh của Công ty TNHH Bất động sản T, thu nhập bình quân mỗi tháng 6.000.000 đồng và đang có sổ tiết kiệm số tiền 100.000.000 đồng mở tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, có nơi ở ổn định tại số nhà 275/43/3, đường Quang Trung, Phường M, quận G, Thành phố H nên có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cho cháu N. Do cháu B được chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng từ trước đến nay và cháu B cũng đang học tại Trường mẫu giáo Đ nơi chị Q đang công tác. Việc giao cháu B cho chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo tốt cho sự phát triển của cháu B. Tại phiên tòa, anh B thay đổi ý kiến: Nếu chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung thì anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/ 1 con, kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị thừa nhận về thời gian đăng ký kết hôn, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như anh Nguyễn Thái B trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Do anh B không có việc làm nên không phụ giúp kinh tế cho gia đình, từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Bố mẹ của hai bên có hòa giải để anh chị hàn gắn nhưng không được. Trong thời gian ly thân, anh chị không quan tâm tới cuộc sống của nhau mà chỉ nói chuyện về việc chăm sóc con. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể nào tiếp tục về sống chung được nên anh B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung tên Nguyễn Thái Bảo N, sinh ngày 06/02/2013 và Nguyễn Thái B, sinh ngày 04/12/2016. Khi ly hôn chị yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/1 con. Do cháu B sống cùng với chị từ khi sinh ra cho

tới nay, cháu N sống cùng chị tới năm 02 tuổi, sau đó về sinh sống cùng ông bà nội tại địa chỉ: xã G, huyện Q, tỉnh Đ đến tháng 01/2020. Từ tháng 01/2020 chị đón cháu N về chăm sóc nhưng do anh B không đồng ý cho chị chuyển hộ khẩu của cháu N về UBND thị trấn V, huyện C nên chị không làm thủ tục chuyển trường học cho cháu N được. Để đảm bảo việc học của cháu N nên chị đã để anh B đón cháu N về cùng ông bà nội tiếp tục việc học. Chị hiện tại đang làm việc tại Công ty TNHH Đ, thu nhập trung bình mỗi tháng 23.300.000 đồng và đang sống cùng bố mẹ tại địa chỉ: Tổ 2B, khu phố S, thị trấn V, huyện C, tỉnh Đ nên có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về thủ tục tố tụng:
- + Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;
- + Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;
- + Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;
- + Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.
- + Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự: chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị Q đã có mâu thuẫn trầm trọng, tại phiên tòa, anh B, chị Q thuận tình ly hôn nên đề nghị Tòa án ghi nhận; Về quan hệ con chung: anh B, chị Q có 02 con chung. Đề nghị giao 02 con chung cho chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến tự nguyện của anh B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/1 con kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Án phí: Anh B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Thái B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; chị Nguyễn Thị Q đồng ý ly hôn, nhưng không đồng ý về việc nuôi con. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Nguyễn Thái B khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị Nguyễn Thị Q, nơi cư trú: Tổ 2B, Khu phố S, thị trấn V, huyện C, tỉnh Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định anh Nguyễn Thái B là nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Q là bị đơn; quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thái B và chị Nguyễn Thị Q kết hôn với nhau năm 2012, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được UBND thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 233, quyển số 01/2011, ngày 12/4/2012. Căn cứ các Điều 9, 10, 11, 12, 13 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị Q có giá trị pháp lý. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Thái B và chị Nguyễn Thị Q thuận tình ly hôn. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của anh B, chị Q, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên công nhận.

[4]. Về con chung: Anh B và chị Q có 02 con chung tên Nguyễn Thái Bảo N, sinh ngày 06/02/2013 và Nguyễn Thái B, sinh ngày 04/12/2016 ý kiến của anh B đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và giao cháu B cho chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp, Tòa án quyết định giao 02 con chung cho chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/ 1 con, kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Ý kiến của chị Q muốn nuôi dưỡng 02 con chung và anh B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/ 1 con. Xét thấy, anh B và chị Q đều có đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, giao 02 con chung cho chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng là có cơ sở. Bởi lẽ ý kiến của cháu N muốn sống với chị Q; anh B hiện nay làm việc tại Thành phố H giao cháu N cho ông bà nội nuôi dưỡng mà không trực tiếp nuôi con; chị Q hiện là giáo viên mầm non, có thu nhập cao, ổn định; giao cháu N cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ chia rẽ tình cảm chị em của cháu N và cháu B. Do đó giao 2 con chung cho chị Q chăm sóc là có cơ sở. Ghi nhận ý kiến tự nguyện của anh B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/ 1 con, kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, anh Nguyễn Thái B phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được tính trừ vào

300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002407 ngày 24/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Anh B còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

[7]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 48, 68, 147, 220, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 85, 87, 88, 89, 91, 92, 93 và Điều 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thái B và chị Nguyễn Thị Q.

[2]. Về quan hệ con chung: Anh B và chị Q có 02 con chung tên Nguyễn Thái Bảo N, sinh ngày 06/02/2013 và Nguyễn Thái B, sinh ngày 04/12/2016. Giao cháu N và cháu B cho chị Q trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/1 con, kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án không phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Nguyễn Thái B phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con,

được tính trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002407 ngày 24/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Anh B còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

[5]. Về quyền kháng cáo: anh Nguyễn Thái B, chị Nguyễn Thị Q được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự (02);
- TAND tỉnh ĐN (01);
- VKSND H.VC (02);
- Chi cục THADS H.VC (01);
- UBND TT.Vĩnh An, H. Vĩnh Cửu (01);
- Lưu hồ sơ, VP (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(đã ký tên, đóng dấu)

Võ Xuân Sơn